TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng
2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Hồng U, sinh năm 1978 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Võ Hồng U trình bày:*

Về hôn nhân: Bà U và ông Q tìm hiểu và tiến tới hôn nhân từ năm 1998, nhưng khôngcó đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Vì vậy, bà U yêu cầu được ly hôn đối với ông Q.

Về con chung: Có 03 người con chung hiện do ông Q nuôi dạy, gồm có: Trần Nhật H, sinh ngày 20/6/2001 (giới tính: Nữ), Trần Văn H (tên gọi khác là Vinh H), sinh ngày 12/10/2002 (giới tính: Nam) và Trần Kim H, sinh ngày 20/8/2006 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn, bà U không yêu cầu giải quyết nuôi con. Trường hợp, con theo bà U, thì bà U không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà U trình bày bổ sung: Hai người sống ly thân khoảng 08 năm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông Q được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Các đương sự tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự.

[3] Các đương sự có 03 người con chưa thành niên, nhưng đã hơn 07 tuổi. Khi cha mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà U được quyền nuôi 03 người con chung. Do các cháu đang sống với ông Q, nên ông Q phải có trách nhiệm giao 03 người con chung cho bà U nuôi dạy. Bà U không có yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét.

[5] Bà U là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà U tạm ứng án phí được khấu trừ.

[6] Bà U có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Ông Q vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Trần Văn Q.

2. Không công nhận bà Võ Hồng U và ông ông Trần Văn Q là vợ chồng.

3. Bà U được quyền nuôi 03 người con gồm: Trần Nhật H, sinh ngày 20/6/2001 (giới tính: Nữ), Trần Văn H (tên gọi khác là Vinh H), sinh ngày 12/10/2002 (giới tính: Nam) và Trần Kim H, sinh ngày 20/8/2006 (giới tính: Nữ).

4. Ông Q có trách nhiệm giao 03 người con chung, gồm: Trần Nhật H, sinh ngày 20/6/2001 (giới tính: Nữ), Trần Văn H (tên gọi khác là Vinh H), sinh ngày 12/10/2002 (giới tính: Nam) và Trần Kim H, sinh ngày 20/8/2006 (giới tính: Nữ) cho bà U trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

5. Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

6. Bà U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà U nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005458 ngày 07/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.

7. Bà U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế